

Số: /KH-SNV

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030, Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 của Sở như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

b) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, của Trung ương và địa phương về CCHC đến công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

c) Kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CCHC giai đoạn 2021 – 2025.

2. Yêu cầu

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; bám sát phương châm ***“kỷ cương đi trước – nguồn lực đi cùng – kết quả là thước đo”*** và tiêu chí ***“6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”*** trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

b) Cải cách hành chính phải gắn với nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan.

c) Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

1.1. Mục tiêu

Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của Sở Nội vụ tập trung vào

06 nội dung, đó là: Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); Cải cách tổ chức bộ máy; Cải cách chế độ công vụ; Cải cách tài chính công và Chuyển đổi số.

Trong đó, đẩy mạnh cải thiện và nâng cao kết quả các chỉ số liên quan đến CCHC và bảo đảm kết quả năm sau cao hơn năm trước; phấn đấu chỉ số CCHC của Sở Nội vụ nằm trong nhóm cơ quan, đơn vị dẫn đầu của tỉnh; góp phần cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC (PAR Index), chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh (DTI).

1.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ và thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước được giao; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức hàng năm.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đề công chức, viên chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước thông qua các hình thức phù hợp với tình hình thực tế đơn vị.

c) Bố trí đủ nguồn lực tài chính và nhân lực cho công tác CCHC. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác CCHC.

1.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) *Phân công nhiệm vụ:* Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (viết tắt là các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện.

b) *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

2. Cải cách thể chế

2.1. Mục tiêu

a) Đến năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật, bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) 100% các văn bản hướng dẫn, thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời, đúng thẩm quyền. 100% văn

bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Hội đồng nhân dân, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh do Sở tham mưu được xây dựng, ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục xây dựng VBQPPL theo quy định.

c) 100% nội dung giao Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh quy định chi tiết, giao quy định nội dung khác tại các VBQPPL do cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương ban hành được trình Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đảm bảo đúng thẩm quyền, quy trình và tiến độ.

d) 100% VBQPPL của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ được kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa theo quy định; kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp.

đ) Thực hiện tiếp nhận và xử lý kịp thời, đúng quy định đối với 100% phản ánh, kiến nghị về VBQPPL.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội.

- Thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực được phân công để phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới phù hợp với quy định của Trung ương và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) *Phân công nhiệm vụ:* Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện.

b) *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

3.1. Mục tiêu

a) Thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC, chi phí tuân thủ TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân theo chỉ đạo của các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh.

b) 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

c) Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền đạt 100%.

d) 100% TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

đ) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt 97% trở lên.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo. Thường xuyên rà soát, trình công bố kịp thời, đầy đủ các TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ. Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa và tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ.

c) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; quy định rõ trách nhiệm giải trình và hình thức xử lý đối với các đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng hồ sơ quá hạn hoặc giải quyết chậm, muộn.

d) Đẩy mạnh thực hiện giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến. Thực hiện số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, tái sử dụng dữ liệu; thực hiện nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về quy trình thực hiện và lợi ích của các dịch vụ công, trọng tâm là nhóm dịch vụ công thiết yếu nhằm gia tăng tỷ lệ tiếp cận và sử dụng của người dân, doanh nghiệp.

3.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) *Phân công nhiệm vụ*: Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện.

b) *Thời gian thực hiện*: Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Mục tiêu

a) Đối với cải cách tổ chức bộ máy của tỉnh do Sở Nội vụ tham mưu thực hiện:

- Tỷ lệ giảm đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh đạt 5%.

- Tiếp tục tinh giản biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách theo tỷ lệ quy định của Trung ương.

b) Đối với cải cách tổ chức bộ máy tại Sở Nội vụ:

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo quy định của pháp luật, quy định khung của Chính phủ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiếp tục tinh giản biên chế công chức, biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách theo tỷ lệ quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Nội vụ tối thiểu đạt 95%.

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Đối với cải cách tổ chức bộ máy của tỉnh do Sở Nội vụ tham mưu thực hiện:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, địa phương, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành địa phương trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo hướng **“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”**, bảo đảm phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2026 – 2031.

- Tổ chức đánh giá, sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo hướng dẫn của Trung ương.

b) Đối với cải cách tổ chức bộ máy tại Sở Nội vụ:

- Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định mới liên quan đến chức năng, nhiệm vụ về công tác sắp xếp, phân công công chức cho phù hợp theo quy định.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền tự chủ của các đơn vị trực thuộc, đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; bảo đảm gắn quyền hạn với trách nhiệm, phát huy tính chủ động của các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.

4.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) Phân công nhiệm vụ:

- Phòng Tổ chức - Biên chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, khoản 4.2 mục II Kế hoạch này.

- Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, khoản 4.2 mục II Kế hoạch này.

b) Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Mục tiêu

a) Đối với cải cách chế độ công vụ của tỉnh do Sở Nội vụ tham mưu thực hiện:

- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra công vụ hàng năm đạt 20% trở lên.

- Phần đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học công nghệ trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Phần đầu 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Đối với cải cách chế độ công vụ tại Sở Nội vụ:

- Tỷ lệ đơn vị thuộc và trực thuộc Sở được kiểm tra công vụ hàng năm đạt 20% trở lên.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Phần đầu 25% công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, công nghệ; 25% - 35% số lãnh đạo Sở, trên 30% số lãnh đạo cấp phòng, đơn vị thuộc Sở có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Đối với cải cách chế độ công vụ của tỉnh do Sở Nội vụ tham mưu thực hiện:

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 – 2031. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tham mưu phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

- Kiểm tra việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

b) Đối với cải cách chế độ công vụ tại Sở Nội vụ:

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng đạo đức công vụ và văn hóa công sở.

- Hoàn thiện các tiêu chí, quy trình đánh giá, phân loại công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý dựa trên kết quả, sản phẩm công việc cụ thể và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong đánh giá, phân loại.

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quy hoạch, đánh giá công chức, viên chức; đảm bảo trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức chuyên môn theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Bố trí biên chế, số lượng người làm việc đảm bảo đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) Phân công nhiệm vụ:

- Phòng Công chức - Viên chức chủ trì, phối hợp với Phòng Tổ chức - Biên chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, khoản 5.2 mục II Kế hoạch này.

- Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, khoản 5.2 mục II Kế hoạch này.

b) Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Mục tiêu: Sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước phân bổ cho cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; thực hiện tốt việc cân đối, thu chi ngân sách hợp lý, kiểm soát tham nhũng tại cơ quan.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

b) Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

c) Rà soát, tham mưu ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Rà soát, đề xuất kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

6.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) Phân công nhiệm vụ: Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện.

b) Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

7. Công tác chuyển đổi số

7.1. Mục tiêu

- Phần đầu cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn. Sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Phần đầu đạt các tiêu chí về dịch vụ công trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt từ 95,1% trở lên; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết TTHC đạt 100%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công đạt từ 98% trở lên.

7.2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ tại Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác, tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong lĩnh vực Nội vụ.

7.3. Phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện

a) *Phân công nhiệm vụ:* Văn phòng Sở chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu triển khai thực hiện.

b) *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026-2030; theo lộ trình tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh.

III. KINH PHÍ

Sử dụng nguồn kinh phí theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở có trách nhiệm

a) Triển khai Kế hoạch này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị và tổ chức thực hiện hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được phân công.

b) Phối hợp với Văn phòng Sở thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì tham mưu tại Kế hoạch CCHC tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Văn phòng Sở để tổng hợp báo cáo.

d) Người đứng đầu các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo công chức, viên chức phụ trách thực hiện công tác CCHC của cơ quan chất lượng, hiệu quả.

2. Văn phòng Sở

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC hàng năm; đồng thời tham mưu thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch này.

b) Chủ động phối hợp đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tổ chức tuyên truyền về công tác CCHC lồng ghép các lĩnh vực công tác của ngành.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác CCHC đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở báo cáo Giám đốc Sở (thông qua Văn phòng Sở) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Hoàng Linh